TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **60**/2018/QĐST-HNGĐ	*NC, ngày 18 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 90/2018/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1985

Bị đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1991

Anh T và chị D đều có địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Xuân T và chị Trần Thị D

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Anh T và chị D có 02 con chung là Bùi Thị Minh T, sinh ngày 30/7/2015; Bùi Xuân D, sinh ngày 07/02/2017. Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Minh T, chị D trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Xuân D. Anh T và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Bùi Xuân T chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2015/0006634 ngày 04/5/2018; trả lại cho anh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan Thi hành án huyện N;
- UBND xã K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp. (ℓℓ11)

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ